

THÔNG BÁO
Điểm chuẩn trúng tuyển lớp 10 các trường trung học phổ thông
năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông; Kế hoạch tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành tại Quyết định số 858/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của UBND tỉnh;

Căn cứ kết quả điểm thi Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông năm học 2025-2026, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo điểm chuẩn trúng tuyển lớp 10 trường trung học phổ thông như sau:

1. Đối với Trường THPT chuyên Lam Sơn: Theo Phụ lục 1 đính kèm.
2. Đối với các trường THPT Dân tộc nội trú: Theo Phụ lục 2 đính kèm.
3. Đối với các trường THPT công lập còn lại: Theo Phụ lục 3 đính kèm.

Lưu ý: Điểm nhỏ nhất đỗ là Điểm đỗ của những thí sinh ở chỉ tiêu cuối có Điểm xét tuyển bằng nhau, được phân loại bằng tiêu chí phụ theo quy định.

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Trường Đại học Hồng Đức;
- Trường THPT chuyên Lam Sơn;
- Các trường: THPT DTNT, THPT công lập;
- Lưu: VT, KT&KĐCLGD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Tạ Hồng Lựu

Phụ lục 1:**Điểm chuẩn trúng tuyển lớp 10 năm học 2025-2026 Trường THPT chuyên Lam Sơn***(Kèm theo Thông báo số/TB-SGDĐT ngày 17/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

STT	Tên trường	Lớp chuyên	Chỉ tiêu	Kết quả xét tuyển		
				Điểm chuẩn	Điểm đỗ nhỏ nhất	Số HS trúng tuyển
1	THPT Chuyên Lam Sơn	Địa lý	35	45.45		35
2	THPT Chuyên Lam Sơn	Vật lý	35	41.95		35
3	THPT Chuyên Lam Sơn	Hóa học	35	44.10	44.05	35
4	THPT Chuyên Lam Sơn	Ngữ văn	70	47.40		70
5	THPT Chuyên Lam Sơn	Toán học	70	45.35		70
6	THPT Chuyên Lam Sơn	Tiếng Anh	70	46.15		70
7	THPT Chuyên Lam Sơn	Tin học	35	46.75		35
8	THPT Chuyên Lam Sơn	Sinh học	35	49.40		35
9	THPT Chuyên Lam Sơn	Lịch sử	35	47.95		35

Phụ lục 2:

Điểm chuẩn trúng tuyển lớp 10 năm học 2025-2026 các trường THPT Dân tộc nội trú
(Kèm theo Thông báo số/TB-SGDĐT ngày 17/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên trường	Chỉ tiêu	Số lượng tuyển thẳng	Kết quả xét tuyển						Cộng số lượng	Tổng số lượng
				Xét tuyển 70% chỉ tiêu từ cao xuống thấp theo tổng điểm xét tuyển (đối với tất cả thí sinh)			Xét tuyển 30% chỉ tiêu từ cao xuống thấp theo tổng điểm xét tuyển (đối với thí sinh ở xã, thôn ĐBKK chưa đỗ khi xét 70%)				
				Điểm chuẩn	Điểm đỗ nhỏ nhất	Số lượng	Điểm chuẩn	Điểm đỗ nhỏ nhất	Số lượng		
1	THPT Dân tộc nội trú Ngọc Lặc	210	5	20.00	19.95	142	15.45	15.35	63	205	210
2	THPT Dân tộc nội trú tỉnh	210	6	22.55		141	13.05		63	204	210

Phụ lục 3:
Điểm chuẩn trúng tuyển lớp 10 năm học 2025-2026 các trường THPT công lập
(Kèm theo Thông báo số/TB-SGDĐT ngày 17/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên trường	Chỉ tiêu	Số lượng tuyển thẳng	Kết quả xét tuyển							Tổng số lượng
				Nguyên vọng 1			Nguyên vọng 2 (Điểm chuẩn NV2 là tổng điểm xét tuyển của TS đã trừ đi 1 điểm)			Cộng số lượng	
				Điểm chuẩn	Điểm đỗ nhỏ nhất	Số lượng	Điểm chuẩn	Điểm đỗ nhỏ nhất	Số lượng		
1	TH,THCS&THPT Hồng Đức	132	0	13.8		119	21		13	132	132
2	THPT Hàm Rồng	616	10	25.15	25.1	606			0	606	616
3	THPT Đào Duy Từ	616	11	22.95	22.9	591	23		14	605	616
4	THPT Tô Hiến Thành	440	9	17.95	17.9	387	20.65		44	431	440
5	THPT Lương Đắc Bằng	572	7	17	16.95	565			0	565	572
6	THPT Hoàng Hoá 2	528	4	14.45		524			0	524	528
7	THPT Hoàng Hoá 3	440	10	15.9	15.85	426	15.85		4	430	440
8	THPT Hoàng Hoá 4	528	2	16.45		526			0	526	528
9	THPT Quảng Xương 1	572	5	17.8		567			0	567	572
10	THPT Quảng Xương 2	440	6	15.8	15.7	417	15.75		17	434	440
11	THPT Chu Văn An	660	7	17.65	17.6	653			0	653	660
12	THPT Quảng Xương 4	484	8	17.35		476			0	476	484
13	THPT Đông Sơn 1	484	1	14.9		435	20.55		48	483	484
14	THPT Lê Văn Hưu	528	2	15.4		526			0	526	528
15	THPT Thiệu Hoá	572	3	14.85		569			0	569	572
16	THPT Nguyễn Quán Nho	352	0	12.8		317	13.2	13.15	35	352	352
17	THPT Yên Định 1	748	12	14.95		736			0	736	748
18	THPT Yên Định 2	440	6	12.8		402	12.9		32	434	440
19	THPT Yên Định 3	352	3	11.5		320	11.6		29	349	352
20	THPT Nông Cống 1	484	9	16.95	16.9	475			0	475	484
21	THPT Nông Cống 2	308	5	15.1		303			0	303	308
22	THPT Nông Cống 3	396	2	15.35		382	15.3		12	394	396
23	THPT Nông Cống 4	396	1	13.45		356	13.85		39	395	396
24	THPT Tĩnh Gia 1	748	1	15.4		747			0	747	748
25	THPT Tĩnh Gia 2	484	5	12.8	12.75	471	13.25	12.75	8	479	484
26	THPT Tĩnh Gia 3	660	2	14.35	14.3	654	14.3		4	658	660
27	THPT Lê Lợi	572	7	14.85	14.8	565			0	565	572
28	THPT Lê Hoàn	440	2	12.1		420	12.05		18	438	440
29	THPT Lam Kinh	352	4	14.25		348			0	348	352
30	THPT Hậu Lộc 1	484	3	15.45		481			0	481	484

STT	Tên trường	Chỉ tiêu	Số lượng tuyển thẳng	Kết quả xét tuyển							Tổng số lượng
				Nguyên vọng 1			Nguyên vọng 2 (Điểm chuẩn NV2 là tổng điểm xét tuyển của TS đã trừ đi 1 điểm)			Cộng số lượng	
				Điểm chuẩn	Điểm đỗ nhỏ nhất	Số lượng	Điểm chuẩn	Điểm đỗ nhỏ nhất	Số lượng		
31	THPT Hậu Lộc 2	440	4	14.05		432	14.05		4	436	440
32	THPT Hà Trung	572	8	13.9		560	13.85		4	564	572
33	THPT Hoàng Lê Kha	440	10	15.1		430			0	430	440
34	THPT Ba Đình	484	3	15.1		481			0	481	484
35	THPT Mai Anh Tuấn	440	3	15.9		437			0	437	440
36	THPT Bim Sơn	396	1	20.05	19.95	395			0	395	396
37	THPT Sầm Sơn	440	8	19.15		432			0	432	440
38	THPT Triệu Sơn 1	396	5	17.4	17.35	391			0	391	396
39	THPT Triệu Sơn 2	352	2	16.15	16	341	16.05		9	350	352
40	THPT Triệu Sơn 3	396	8	15.7	15.65	388			0	388	396
41	THPT Triệu Sơn 4	352	2	15.15		347	15.60		3	350	352
42	THPT Vĩnh Lộc	572	8	13.7		564			0	564	572
43	THPT Tống Duy Tân	264	4	13.9		260			0	260	264
44	THPT Mường Lát	440	56	8.95	8.9	384			0	384	440
45	THPT Quan Hoá	352	22	7.95	7.9	299	8		31	330	352
46	THPT Quan Sơn	308	15	8.9	8.85	293			0	293	308
47	THPT Bá Thước	440	10	8.75		400	8.75		30	430	440
48	THPT Hà Văn Mao	440	10	10.45	10.4	430			0	430	440
49	THPT Lang Chánh	440	23	8.95	8.85	417			0	417	440
50	THPT Ngọc Lặc	572	28	10.15		544			0	544	572
51	THPT Lê Lai	484	6	11.05	11	478			0	478	484
52	THPT Cẩm Bá Thước	528	19	11.8	11.75	509			0	509	528
53	THPT Như Xuân	396	21	11.6		375			0	375	396
54	THPT Như Thanh	440	5	15	14.9	435			0	435	440
55	Trường THPT Thạch Thành 1	440	0	13.1		440			0	440	440
56	THPT Thạch Thành 2	352	2	13.7	13.65	350			0	350	352
57	THPT Cẩm Thủy 1	528	7	13.35		521			0	521	528
58	THPT Cẩm Thủy 2	308	1	11.45		297	11.7		10	307	308
59	THPT Cẩm Thủy 3	308	2	11.65		298	11.8		8	306	308
60	THPT Lê Hồng Phong	308	1	16.1		297	16.75		10	307	308
61	THPT Nguyễn Trãi	484	7	22.05	22	429	23.3	23.25	48	477	484
62	PT Nguyễn Mộng Tuân	440	2	12.92		394	16.4		44	438	440
63	THCS và THPT Thống Nhất	176	0	12.4		167	12.4		9	176	176

STT	Tên trường	Chỉ tiêu	Số lượng tuyển thẳng	Kết quả xét tuyển							Tổng số lượng
				Nguyên vọng 1			Nguyên vọng 2 (Điểm chuẩn NV2 là tổng điểm xét tuyển của TS đã trừ đi 1 điểm)			Cộng số lượng	
				Điểm chuẩn	Điểm đỗ nhỏ nhất	Số lượng	Điểm chuẩn	Điểm đỗ nhỏ nhất	Số lượng		
64	THPT Triệu Sơn 5	308	2	13.95	13.85	282	14		24	306	308
65	THPT Đặng Thai Mai	440	1	14.45	14.4	395	15.3		44	439	440
66	THPT Nguyễn Thị Lợi	396	5	15.35	15.3	352	16.15		39	391	396
67	THPT Đông Sơn 2	440	1	12		395	14.35		44	439	440
68	THPT Thọ Xuân 4	264	2	11.5		248	11.5		14	262	264
69	THPT Thọ Xuân 5	264	1	14.75		263			0	263	264
70	THPT Như Thanh 2	264	26	14.1	14.05	238			0	238	264
71	Trường THPT Thạch Thành 3	396	9	13.15	13.1	387			0	387	396
72	THPT Thường Xuân 2	308	16	10.05	10	290	10.2		2	292	308
73	THPT Nga Sơn	396	3	13.55	13.5	366	13.55		27	393	396
74	THPT Hậu Lộc 3	308	2	15.25		306			0	306	308
75	THPT Tĩnh Gia 4	484	1	13.58		475	13.55		8	483	484
76	THPT Hậu Lộc 4	528	5	14.55	14.5	523			0	523	528
77	THPT Bắc Sơn	352	3	9.9	9.85	340	9.9	9.85	9	349	352
78	THCS&THPT Bá Thước	220	7	9.8		213			0	213	220
79	THPT Thạch Thành 4	352	10	12.5	12.45	340	12.55	12.45	2	342	352
80	THPT Như Xuân 2	176	3	11.45		173			0	173	176
81	THCS Và THPT Nghi Sơn	308	13	15.6	15.5	308			0	308	321
82	THCS & THPT Quan Sơn	176	0	8.6		163			0	163	163
83	THPT Thường Xuân 3	220	11	7.95	7.9	187	10.2		22	209	220
84	THCS&THPT Như Thanh	264	12	12.9		234	12.85		18	252	264
85	THCS và THPT Như Xuân	220	12	10.5		204	10.5	10.45	4	208	220
86	Trường THCS&THPT Quan Hóa	176	5	11.3		171			0	171	176